TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1091/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé

2. Ông Thái Văn Sơn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2023/QĐXXST-DS ngày 28/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 22A Đường X1, tổ 3, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: D6/161 ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: 22A Đường X1, tổ 3, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 01 năm 2023 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ngày 30 tháng 5 năm 2012, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56; quyển số 01/2012.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không quan tâm bà L, không chăm lo gia đình, phụ giúp và dạy giỗ con cái mà chỉ biết lo ăn nhậu vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng phát sinh thêm khoảng cách, tính tình không

hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ông bà tự hòa giải mâu thuẫn nhưng không thể hòa hợp được tính cách, mâu thuẫn vẫn kéo dài, ngoài ra bà L xác định đã có tình cảm với người khác nên bà đã sống ly thân với ông T, bà mong muốn ly hôn để chung sống với người mới. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 24/10/2016 và Trần Nguyễn Lan P, sinh ngày: 10/9/2013; tại đơn xin ly hôn bà L xác định giao 02 con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án bà L thay đổi và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Bảo N, sinh ngày 24/10/2016 với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Nguyễn Lan P, sinh ngày 10/9/2013

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Trần Văn T có bản khai văn bản trình bày ý kiến như sau:* Ông T đồng ý với phần trình bày của bà L về quá trình chung sống và kết hôn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L, ông T không đồng ý, ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là không lớn, việc bà L bỏ nhà đi, không chung sống với ông và có tình cảm với người khác ông biết và sẵn sàng tha thứ. Vì vậy, ông mong muốn vợ chồng về hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái. Ngoài ra, ông T còn xác định do ông theo đạo Thiên Chúa nên nếu ông đồng ý ly hôn với bà L thì ông sẽ lỗi đạo; vì vậy ông không đồng ý ly hôn với bà L. Đồng thời ông đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trường hợp bà L kiên quyết ly hôn và Hội đồng xét xử cho vợ chồng ông bà ly hôn thì ông yêu cầu như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 24/10/2016 và Trần Nguyễn Lan P, sinh ngày: 10/9/2013 sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà L, ông cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến bà L đã dọn ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 nên đôi bên không còn ngủ chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng là không lớn. Ngoài ra, ông theo đạo Thiên Chúa nên ông không muốn ly hôn vì ly hôn sẽ lỗi đạo. Trường hợp Hội đồng xét xử giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T thì ông phải chấp nhận và khi đó đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về con chung: Ông T đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà L. Giao con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 24/10/2016 và Trần Nguyễn Lan P, sinh ngày: 10/9/2013 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Bảo N theo yêu cầu của bà L là 3.000.000 đồng/tháng. Đối với trẻ Trần Nguyễn Lan P, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại số 22A Đường X1, tổ 3, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Tp Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Trần Văn T đã có bản khai trình bày ý kiến, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nguyên đơn đã nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

- Bị đơn ông Trần Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về sự tham gia của Viện kiểm sát: Tòa án không tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ nên vụ án này không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu của các đương sự:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56; quyển số 01/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L: Hội đồng xét xử nhận thấy tại đơn xin ly hôn, các bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa án bà Nguyễn Thị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông T ăn nhậu dẫn đến không quan tâm bà L, không chăm sóc con chung, chia sẻ khó khăn trong gia đình. Do đó, bà đã có tình cảm với người khác nên đã dọn ra khỏi nhà sống ly thân với ông T và bà mong muốn ly hôn để cùng chung sống với người mới, bà L kiên quyết ly hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn ông Trần Văn T không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà L nhưng ông T thừa nhận việc bà L có tình cảm với người khác và đã sống ly thân với ông. Ngoài ra, việc ông không đồng ý ly hôn cũng có nguyên nhân

là do ông theo đạo nên không được phép ly hôn. Xét thấy, hôn nhân phải bắt nguồn từ sự tự nguyện yêu thương và mong muốn kết hôn, chung sống giúp đỡ nhau để cùng nhau vượt quá khó khăn trong cuộc sống. Nay bà L không còn yêu thương ông T và không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 24/10/2016 và Trần Nguyễn Lan P, sinh ngày 10/9/2013; Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung. Xét thấy, trước đến nay bà L vẫn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung, các con chung cũng có ý kiến mong muốn được chung sống với bà L và để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt và học hành cũng như tâm sinh lý phát triển bình thường của trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao trẻ Trần Bảo N và Trần Nguyễn Lan P cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[5.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà L Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ và theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: "cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Mặt khác, hiện nay các con chung đang ở độ tuổi ăn học, để các con được học tập và phát triển bình thường cũng như đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các con thì yêu cầu của bà L, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung Trần Bảo N với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình nên cần buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà L. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Nguyễn Lan P, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Văn T.

2/ Về con chung: Giao các con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 24/10/2016 và Trần Nguyễn Lan P, sinh ngày 10/9/2013 cho bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thi hành việc giao con sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Bảo N số tiền 3.000.000 đồng/tháng; bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Nguyễn Lan P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bà L có đơn thi yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì ông T còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Ông Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0020728 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. C;
- THADS H. C;
- UBND thị trấn C;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hòa